

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

¹
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST

Ngày: 25 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Ông Hoàng Văn Tiến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện** kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 15/01/1966 tại: Quảng Bình; tên gọi khác: Nguyễn Hữu T1; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 06/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Hữu L (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Q (đã chết); anh chị em ruột: Có 05 người, T1 là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Phan Thị Minh H1, sinh năm: 1970; nghề nghiệp: nội trợ; con: Có 04 người con, lớn sinh năm 1988 (đã chết), nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 13/3/1990, bị Toà án nhân dân thị xã Đồng Hới xử phạt 21 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đã xóa án tích. Ngày 13/4/2003, bị Công an thị xã Đ xử phạt Vi phạm hành chính Cảnh cáo về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 17/10/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ đến ngày đến ngày 19/10/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm hoãn xuất cảnh đến ngày 19/12/2023 và C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phan Thị Ngọc A, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Chị Phan Thị G, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Chị Đỗ Như T2, sinh năm 1977; địa chỉ: Số C đường N, tổ dân phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4. Anh Trần Ánh D, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Mai H2, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12/2021 đến tháng 10/2023, Nguyễn Thanh T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn thành phố Đ với lãi suất gói vay thấp nhất là 120,45%/năm và cao nhất là 383,25%/năm. Để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng, T sử dụng 01 điện thoại di động hiệu S1 A12, màu đen, gắn sim số 0847997123, đăng ký zalo tên "Thanh Tùng" và 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, gắn 02 sim số 0912912746, 0918027325 để nghe gọi và lưu trữ tin nhắn liên quan đến việc cho vay; Mở tài khoản ngân hàng V số 0311000727070 nhằm mục đích chuyển và nhận tiền qua ứng dụng Interenet Banking. T đã cho 04 người vay với 19 gói vay, tổng số tiền cho vay là 640.000.000 đồng. Số tiền lãi thực tế nhận được là 486.500.000 đồng, thu lợi bất chính 432.316.438 đồng. Cụ thể:

1. Cho Phan Thị Ngọc A vay 05 lần.

Hai bên thoả thuận mức lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, trong 10 ngày phải trả lãi 1 lần, khi giao tiền T cắt lãi trước 1 kỳ. Tổng cộng T cho Ngọc A vay 160.000.000 đồng, đã nhận lại 70.000.000 đồng tiền gốc, hiện Ngọc A chưa thanh toán 90.000.000 đồng tiền gốc. Đã thu số tiền lãi thực tế 145.200.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 13.726.027 đồng, thu lợi bất chính 131.473.973 đồng.

+ Lần 1: Vào ngày 23/4/2022, T cho vay số tiền 40.000.000 đồng, cắt lãi trước một kỳ 2.400.000 đồng. Chị A trả lãi đều các kỳ đến ngày 05/2/2023 thì không tiếp tục trả lãi nữa. Tổng số tiền lãi T đã nhận là 67.200.000 đồng. Chị A chưa trả số tiền gốc cho T.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 6.312.329 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 60.887.671 đồng, lãi suất cho vay

là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 2: Vào ngày 26/5/2022, T cho vay số tiền 20.000.000 đồng, cắt lãi trước một kỳ 1.200.000 đồng. Ngày 06/6/2022, chị A đã trả hết tiền gốc và 10 ngày tiền lãi của gói vay trên. Tổng số tiền lãi T đã nhận của chị A là 1.200.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 131.507 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 1.068.493 đồng, lãi suất cho vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 3: Vào ngày 04/7/2022, T cho vay số tiền 50.000.000 đồng, cắt lãi trước một kỳ 3.000.000 đồng. Chị A trả lãi đều đến ngày 14/2/2023 thì không trả lãi nữa. Tổng số tiền lãi T đã nhận là 66.000.000 đồng. Chị A chưa trả số tiền gốc cho T.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 6.191.781 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 59.808.219 đồng, lãi suất cho vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 4: Vào ngày 11/8/2022, T cho vay số tiền 20.000.000 đồng, cắt lãi trước một kỳ 1.200.000 đồng. Chị A trả lãi đều các kỳ đến ngày 17/9/2022 trả số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và 3.600.000 đồng tiền lãi. Sau đó còn lại 10.000.000 đồng tiền gốc, đến ngày 17/11/2022 chị A đã trả đủ số tiền gốc và 3.600.000 đồng tiền lãi còn lại.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự từ 11/8/2022 đến 17/9/2022 là 405.479 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 3.194.521 đồng; số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là từ 18/9/2022 đến 17/11/2022 là 339.726 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 3.260.274 đồng; lãi suất cho vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 5: Vào ngày 11/10/2022, T cho vay số tiền 30.000.000 đồng, cắt lãi trước một kỳ 1.800.000 đồng. Chị A trả lãi đều các kỳ đến ngày 31/10/2022 thì đã trả cả tiền lãi và gốc. Tổng số tiền lãi T đã nhận là 3.600.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 345.205 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 3.254.795 đồng, lãi suất cho vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

2. Cho chị Đỗ Như T2 vay 08 lần.

Hai bên thoả thuận mức lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày và 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, trong 10 ngày phải trả lãi 1 lần, khi giao tiền T cắt lãi trước 1 kỳ. Tổng cộng T cho T2 vay 190.000.000 đồng, đã nhận lại 138.000.000 đồng tiền gốc, hiện T2 chưa thanh toán 52.000.000 đồng tiền gốc. Đã thu số tiền lãi thực tế

136.400.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 12.235.616 đồng, thu lợi bất chính 124.164.384 đồng.

+ Lần 1: Vào ngày 21/12/2021, T cho vay số tiền 20.000.000 đồng, mức lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước một kỳ 1.400.000 đồng. Chị T2 trả lãi đều các kỳ đến ngày 03/6/2022 thì đã trả cả tiền lãi và gốc. Tổng số tiền lãi T đã nhận là 22.400.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 1.808.219 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 20.591.781 đồng, lãi suất cho vay là 255,5%/năm, gấp 12,775 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 2: Vào ngày 26/12/2021, T cho vay số tiền 30.000.000 đồng, mức lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước một kỳ 1.400.000 đồng. Chị T2 trả lãi đều các kỳ đến ngày 03/6/2022 thì đã trả cả tiền lãi và gốc. Tổng số tiền lãi T đã nhận là 30.000.000 đồng.

Số tiền T được hưởng theo quy định là 2.630.137 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của T là 27.369.863 đồng, lãi suất cho vay là 255,5%/năm, gấp 12,775 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 3: Vào ngày 28/02/2022, T cho vay số tiền 20.000.000 đồng, mức lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước một kỳ 1.400.000. Chị T2 trả lãi đều các kỳ đến ngày 03/6/2022 thì đã trả cả tiền lãi và gốc. Tổng số tiền lãi T đã nhận là 12.600.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 1.052.055 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 11.547.945 đồng, lãi suất cho vay là 255,5%/năm, gấp 12,775 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 4: Vào ngày 08/6/2022, T cho vay số tiền 20.000.000 đồng, mức lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước một kỳ 1.200.000 đồng. Chị T2 trả 01 lượt tiền lãi cho T vào ngày 20/6/2022. Đến ngày 01/7/2022, chị T2 đã trả số tiền vay gốc cho T. Tổng số tiền lãi T đã nhận là 2.400.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 263.014 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 2.136.986 đồng, lãi suất cho vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 5: Vào ngày 16/6/2022, T cho vay số tiền 30.000.000 đồng, mức lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước một kỳ 1.800.000 đồng. Chị T2 trả 01 lượt tiền lãi cho T vào ngày 27/6/2022. Đến ngày 01/7/2022, chị T2 đã trả số tiền vay gốc cho T. Tổng số tiền lãi T đã nhận là 3.600.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 263.014 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 3.336.986 đồng, lãi suất cho

vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 6: Vào ngày 08/7/2022, T cho vay số tiền 20.000.000 đồng, mức lãi suất 6.000 đồng/1 triệu /1 ngày, cắt lãi trước một kỳ 1.200.000 đồng. Chị T2 trả lãi liên tục cho T theo định kỳ cho đến ngày 19/01/2023 thì không trả lãi nữa, tổng số tiền lãi T đã nhận là 22.800.000 đồng. Chị T2 vẫn chưa trả hết tiền vay gốc cho T.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 2.147.945 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 20.652.055 đồng, lãi suất cho vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 7: Vào ngày 14/8/2022, T cho vay số tiền 30.000.000 đồng, mức lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước một kỳ là 1.800.000 đồng. Chị T2 trả lãi liên tục cho T theo định kỳ cho đến ngày 19/01/2023, tổng số tiền lãi T đã nhận là 27.000.000 đồng. Chị T2 vẫn chưa trả số tiền vay gốc cho T.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 2.613.699 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 24.386.301 đồng, lãi suất cho vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 8: Vào ngày 09/9/2022, T cho vay số tiền 20.000.000 đồng, mức lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước một kỳ 1.200.000 đồng. Chị T2 trả lãi liên tục cho T theo định kỳ cho đến ngày 19/01/2023, tổng số tiền lãi T đã nhận là 15.600.000 đồng. Chị T2 vẫn chưa trả số tiền vay gốc cho T.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 1.457.534 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T 14.142.466 đồng, lãi suất cho vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

Sau khi khởi tố vụ án, chị T2 nhiều lần trả góp tiền gốc đã vay của T, tổng cộng đã trả được 18.000.000 đồng.

3. Cho chị Phan Thị G vay 02 lần.

Hai bên thoả thuận mức lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/1 ngày, trong 10 ngày phải trả lãi 1 lần, khi giao tiền T cắt lãi trước một kỳ. Tổng cộng T cho G vay 45.000.000 đồng, hiện G chưa thanh toán tiền gốc. Đã thu số tiền lãi thực tế 72.900.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 6.813.699 đồng, thu lợi bất chính 66.086.301 đồng.

+ Lần 1: Vào ngày 24/3/2022, T cho vay số tiền 30.000.000 đồng, cắt lãi trước 1 kỳ là 1.800.000 đồng. Chị G trả lãi liên tục cho T theo định kỳ cho đến ngày 24/1/2023, tổng số tiền lãi T đã nhận là 54.000.000 đồng. Chị G vẫn chưa trả số tiền vay gốc cho T.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 5.046.575 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 48.953.425 đồng, lãi suất

cho vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 2: Vào ngày 02/6/2022, T cho vay số tiền 15.000.000 đồng, mức lãi suất 6.000 đồng/1 triệu/ngày, cắt lãi trước một kỳ là 900.000 đồng. Chị G trả lãi liên tục cho T theo định kỳ cho đến ngày 02/1/2023, tổng số tiền lãi T đã nhận là 18.900.000 đồng. Chị G vẫn chưa trả số tiền vay gốc cho T.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 1.767.123 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 17.132.877 đồng, lãi suất cho vay là 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

4. Cho anh Trần Ánh D vay 04 lần.

Tổng cộng T cho D vay 245.000.000 đồng, đã nhận lại 175.000.000 đồng tiền gốc, hiện D chưa thanh toán 70.000.000 đồng tiền gốc. Đã thu số tiền lãi thực tế 132.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 21.408.219 đồng, thu lợi bất chính 110.591.781 đồng.

Trong ba lần đầu, T và D thỏa thuận mức lãi suất 3.300 đồng/1 triệu/1 ngày, trong 30 ngày phải trả lãi 1 lần, không cắt lãi trước

+ Lần 1: Vào ngày 27/7/2022, T cho vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi mỗi kỳ 2.500.000 đồng. Anh D trả lãi cho T theo định kỳ cho đến ngày 26/5/2023, anh D đã trả số tiền gốc cho T, tổng số tiền lãi T đã nhận là 25.000.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 4.164.384 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 20.835.616 đồng, lãi suất cho vay là 120,45%/năm, gấp 6,0225 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 2: Vào ngày 03/8/2022, T cho vay số tiền 50.000.000 đồng. Lãi mỗi kỳ 5.000.000 đồng. Anh D trả lãi cho T theo định kỳ cho đến ngày 16/10/2023, tổng số tiền lãi T đã nhận là 70.000.000 đồng. Anh D vẫn chưa trả tiền gốc cho T.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 12.054.795 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 57.945.205 đồng, lãi suất cho vay là 120,45%/năm, gấp 6,0225 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 3: Vào ngày 21/8/2022, T cho vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi mỗi kỳ 2.000.000 đồng. Anh D trả lãi cho T theo định kỳ cho đến ngày 16/10/2023, tổng số tiền lãi T đã nhận là 26.000.000 đồng. Anh D vẫn chưa trả tiền gốc cho T.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 4.613.699 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính của T là 21.386.301 đồng, lãi suất cho vay là 120,45%/năm, gấp 6,0225 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

+ Lần 4: Vào ngày 25/8/2023, T cho vay số tiền 150.000.000 đồng, mức lãi suất 10.500 đồng/1 triệu/ngày, thỏa thuận trong 7 ngày phải trả lãi và gốc cho T.

Đến ngày 01/9/2023 anh D đã trả đủ tiền gốc và lãi cho T với số tiền là 161.000.000đ, tổng số tiền lãi T đã nhận là 11.000.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 575.342 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của T là 10.424.658 đồng, lãi suất cho vay là 383,25%/năm, gấp 19,1625 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã tạm giữ của Nguyễn Thanh T: Số tiền: 27.000.000 đồng. Một điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen. Số IMEI 1: 358069242746157; Số IMEI 2: 358069242946153; bên trong chứa 02 sim số 0912.912.746 và 0918.027.325; Một điện thoại di động hiệu S1 A12, màu đen, số IMEI 1: 351162960543679; số IMEI 2: 351533630543671; bên trong chứa sim số: 0847.997.123.

Về xử lý số tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của Nguyễn Thanh T:

Đối với số tiền Nguyễn Thanh T dùng để cho vay phải nộp lại để sung quỹ nhà nước. Trong đó, Nguyễn Thanh T phải nộp lại tổng cộng 383.000.000 đồng số tiền gốc cho vay đã nhận lại từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giao dịch. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền vay gốc chưa thanh toán, cụ thể: Phan Thị Ngọc A phải nộp lại 90.000.000 đồng, Đỗ Như T2 phải nộp lại 52.000.000 đồng, Phan Thị G phải nộp lại 45.000.000 đồng, Trần Ánh D phải nộp lại 70.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà T đã thu của người vay là 54.183.562 đồng, T phải nộp để sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính mà T đã thu trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bao gồm: Phan Thị Ngọc A 131.473.973 đồng, Đỗ Như T2 124.164.384 đồng, Phan Thị G 66.086.301 đồng. Đối với anh Trần Ánh D, quá trình điều tra, T đã trả lại cho anh D 30.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, anh D tự nguyện cho T và không yêu cầu thêm.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKSDH-KT ngày 29 tháng 12 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới để xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX, xét xử bị cáo Nguyễn Thanh T theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng; cần áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan Công an trong việc phát hiện tội phạm được Công an tỉnh Q

tặng giấy khen vì đã có thành tích trong việc tham gia phòng chống tội phạm theo Quyết định số 272 ngày 13/6/2001. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã từng tham gia Q1 thuộc Q, đóng tại Campuchia, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975; đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho người vay là Nguyễn Ánh D1, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) đến 48 (Bốn mươi tám) tháng.

* Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 phạt bị cáo từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đến 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen. Số IMEI 1: 358069242746157; Số IMEI 2: 358069242946153; bên trong chứa 02 sim số 0912.912.746 và 0918.027.325; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số IMEI 1: 351162960543679; số IMEI 2: 351533630543671; bên trong chứa sim số: 0847.997.123.

* Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

a. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối số tiền gốc Nguyễn Thanh T đã cho vay 383.000.000 đồng đồng số tiền gốc cho vay đã nhận lại từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giao dịch. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền vay gốc chưa thanh toán, cụ thể: Phan Thị Ngọc A phải nộp lại 90.000.000 đồng, Đỗ Như T2 phải nộp lại 52.000.000 đồng, Phan Thị G phải nộp lại 45.000.000 đồng, Trần Ánh D phải nộp lại 70.000.000 đồng.

b. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%) mà Nguyễn Thanh T đã thu của người vay là 54.183.562 đồng.

c. Nguyễn Thanh T phải trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là 321.724.650 đồng, cụ thể: Phan Thị Ngọc A số tiền: 131.473.973 đồng, Đỗ Như T2 số tiền 124.164.384 đồng, Phan Thị G 66.086.301 đồng.

Đối với anh Trần Ánh D, quá trình điều tra T đã trả lại cho anh D số tiền 30.000.000 đồng do thu lợi bất chính, anh D tự nguyện cho lại T và không yêu cầu gì thêm.

d. Tạm giữ số tiền 27.000.000 đồng thu từ bị cáo T để đảm bảo thi hành án.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thanh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng đúng như Bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Hiện nay bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét về hành vi phạm tội, tội danh, hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản tự khai, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tin nhắn zalo. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 12/2021 đến tháng 10/2023, trên địa bàn thành phố Đ, Nguyễn Thanh T đã sử dụng 640.000.000 đồng cho Phan Thị Ngọc A, Đỗ Như T2, Phan Thị G, Trần Ánh D vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp 6,0225 lần đến 19,1625 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm), thu lợi bất chính 432.316.438 đồng.

Do vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T đã phạm vào tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã truy tố và kết luận của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc cho

người khác vay tiền với lãi suất cao hơn 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy cần phải xử lý nghiêm minh buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi cho vay nặng lãi mà các lần thu lợi bất chính đều trên 30.000.000 đồng nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan Công an trong việc phát hiện tội phạm được Công an tỉnh Q tặng giấy khen vì đã có thành tích trong việc tham gia phòng chống tội phạm theo Quyết định số 272 ngày 13/6/2001. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã từng tham gia Q1 thuộc Q, đóng tại Campuchia, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975; đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho người vay là Nguyễn Ánh D1, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo hiện nay bị bệnh hiểm nghèo, đang điều trị bệnh suy tim độ 3 (có xác nhận bệnh án nội khoa của Bệnh viện H3 - Cu Ba Đ), có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích tại mục [6]: “*Tại mục 3 – Điều 2 Nghị quyết 02/VBHN-TANDTC ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao: Trường hợp có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS...*”. Ngoài hành vi bị xem xét lần này, bị cáo đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà chỉ áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự 2015, phạt bị cáo 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn).

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen. Số IMEI 1: 358069242746157; Số IMEI 2: 358069242946153; bên trong chứa 02 sim số 0912.912.746 và 0918.027.325; máy củ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy đã hết pin (theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 17/10/2023 của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đ).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số IMEI 1: 351162960543679; số IMEI 2: 351533630543671; bên trong chứa sim số: 0847.997.123 máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy đã hết pin (*theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 17/10/2023 của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đ*).

Đây là các điện thoại bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu để sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 27.000.000 đồng thu giữ từ bị cáo Nguyễn Thanh T mặc dù đây không phải là số tiền bị cáo thu lợi từ việc cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, cần tạm giữ số tiền 27.000.000 đồng thu từ bị cáo T để đảm bảo thi hành án theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLT/23, số 0001052 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới (theo Quyết định số 02 ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới).

[9] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự:

[9.1] Đối với toàn bộ khoản tiền gốc 383.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thanh T dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Do vậy cần buộc bị cáo Võ Thanh T3 phải nộp lại khoản tiền gốc mà người vay đã trả lại cho bị cáo tổng là 383.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc còn lại những người vay chưa trả cho bị cáo về nguyên tắc phải trả cho bị cáo T3 theo giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xác định đây là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm, nên không buộc những người vay trả lại tiền cho bị cáo mà buộc người vay chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo T3 phải nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền gốc tổng cộng 257.000.000 đồng, cụ thể: Phan Thị Ngọc A nộp 90.000.000 đồng, Đỗ Như T2 nộp 52.000.000 đồng, Phan Thị G nộp 45.000.000 đồng, Trần Ánh D nộp 70.000.000 đồng.

[9.2] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm mà bị cáo Nguyễn Thanh T đã thu của người vay là 54.183.562 đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền mà bị cáo đã thu để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9.3] Về tiền thu lợi bất chính: Về nguyên tắc, số tiền bị cáo thu lợi từ việc phạm tội phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, đối với đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ kinh doanh, sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày; người vay đã phải chịu lãi nặng. Bởi vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất trên 20% trở lên. Do đó, buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính là: 321.724.650 đồng, cụ thể: Phan Thị Ngọc A số tiền: 131.473.973 đồng, Đỗ Như T2 số tiền 124.164.384 đồng, Phan Thị G 66.086.301 đồng. Quá trình điều tra T đã trả lại cho anh D số tiền 30.000.000 đồng, anh D tự nguyện cho lại T số tiền trên, nên HĐXX không xem xét.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bởi vì, bản chất đây là số tiền thu lời bất chính, không phải tiền bồi thường dân sự.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[12] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

2.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/01/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế y đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú.

Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn). Thời gian chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp khoản tiền gốc mà người vay đã trả lại cho bị cáo là 383.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi ba triệu đồng chẵn*) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu của người vay là 54.183.562 đồng (*Năm mươi bốn triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*); Tổng là 437.183.562 đồng (*Bốn trăm ba mươi bảy triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*) để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Buộc người vay chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp lại khoản tiền gốc chưa trả để tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể :

- + Chị Phan Thị Ngọc A nộp lại khoản tiền gốc 90.000.000 đồng.
- + Chị Đỗ Như T2 nộp lại khoản tiền gốc 52.000.000 đồng.
- + Chị Phan Thị G nộp lại khoản tiền gốc 45.000.000 đồng.
- + Anh Trần Ánh D nộp lại khoản tiền gốc 70.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải trả lại cho những người vay khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu của họ, cụ thể :

- + Trả lại cho chị Phan Thị Ngọc A số tiền 131.437.973 đồng.
- + Trả lại cho chị Đỗ Như T2 số tiền 124.164.384 đồng.
- + Trả lại cho chị Phan Thị G số tiền 66.086.301 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen. Số IMEI 1: 358069242746157; Số IMEI 2: 358069242946153; bên trong chứa 02 sim số 0912.912.746 và 0918.027.325; máy củ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy đã hết pin (theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 17/10/2023 của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đ).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số IMEI 1: 351162960543679; số IMEI 2: 351533630543671; bên trong chứa sim số: 0847.997.123 máy củ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, máy đã hết pin (theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 17/10/2023 của Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đ).

(Vật chứng trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới).

- Tạm giữ số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng chẵn) thu từ bị cáo T để đảm bảo thi hành án theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLT/23, số 0001052 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới (theo Quyết định số 02 ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới).

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/01/2024) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp QB;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Công an TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Người tham gia tố tụng;
- THA phạt tù;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Các Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Đức Bản Hoàng Văn Tiến

Nguyễn Thị Tuyết Minh

